

BÀI HỌC NGỮ VĂN 7 TUẦN 3

Văn bản: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

- Hồ Chí Minh -

I/ Đọc – tìm hiểu chú thích

1. Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 - 1969)

2. Tác phẩm:

- Được trích từ báo cáo chính trị của chủ tịch Hồ Chí Minh tại đại hội lần thứ II của Đảng lao động Việt Nam (2/ 1951)

- Phương thức biểu đạt: nghị luận (chứng minh)

- Bố cục: 3 phần

II/ Tìm hiểu văn bản

1.Nhận định chung về lòng yêu nước:

- Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước...

→ NT: Câu ngắn, dài đan xen câu có nhiều vẻ trùng điệp, so sánh đặc sắc, các TT, ĐT, trạng từ

=> Sự khẳng định mạnh mẽ, hùng hồn và đầy tự hào về lòng yêu nước của nhân dân ta.

2.Những biểu hiện của lòng yêu nước:

a.Biểu hiện của lòng yêu nước trong quá khứ:

- Cuộc kháng chiến vĩ đại: Bà Trưng, bà Triệu → Trần Hưng Đạo → Lê Lợi → Quang trung.

→ NT: Liệt kê theo trình tự thời gian, ngắn gọn, tiêu biểu, giàu sức thuyết phục.

> Truyền thống yêu nước có từ lâu đời.

b.Biểu hiện của lòng yêu nước ở hiện tại:

- Mọi lứa tuổi đều yêu nước....

- Mọi người ở khắp nơi đều yêu nước

- Mọi nghề nghiệp, tầng lớp đều yêu nước

→Nt: Liệt kê, cấu trúc “ Từ ... đến”, kết cấu chặt chẽ, ngôn ngữ giản dị, cụ thể

=> Cảm phục, ngưỡng mộ lòng yêu nước của đồng bào ta.

3.Nhiệm vụ của chúng ta:

Phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

- NT: So sánh, cách diễn đạt hình ảnh, uyển chuyển mềm mại, dễ đi vào lòng người

=> Động viên, khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người.

III. Ghi nhớ.

1. Nghệ thuật: Bó cục chặt chẽ, mạch lạc, dẫn chứng cụ thể, phong phú, giọng văn tha thiết.

2. Nội dung: Chân lí: Nhân dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

Tuần 21:
Bài 20: Tiếng Việt:

CÂU ĐẶC BIỆT

I. Tìm hiểu bài:

VD1: (SGK/ 27)

Ôi, em Thủy!

→ Không có cấu tạo theo mô hình CN - VN.

→ Câu đặc biệt.

VD2: (SGK/ 28)

- Một đêm mùa xuân.

→ Xác định thời gian

- Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.

→ Liệt kê, thông báo sự tồn tại của sự vật, hiện tượng.

- Trời ơi! Cô giáo tái mặt.

→ Bộc lộ cảm xúc.

- Sơn! Em Sơn ơi!

- Chị An ơi!

→ Gọi đáp

➡ Tác dụng của câu đặc biệt.

II. Ghi nhớ:

SGK/ 28, 29

III. Luyện tập:

BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

(Tự học có hướng dẫn)

I. Tìm hiểu bài:

Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”

a) “Dân ta... lũ cướp nước.”

-> Mở bài: Nêu luận điểm (vấn đề cần làm)

b) “Lịch sử... nông nản yêu nước”

→ Thân bài: Nêu luận cứ để làm sáng tỏ vấn đề

c) Phần còn lại

→ Kết bài: Khẳng định vấn đề đã trình bày

➡ **Bố cục**

- “Dân ta... yêu nước” → truyền thống quý báu → nhấn chìm lũ bán nước và cướp nước

=> Quan hệ nhân quả.

- Đồng bào ta... tổ tiên ta ngày trước.

- Từ... đến (6 lần) → đều giống nhau nơi lòng nông nản yêu nước

=> Quan hệ tổng phân hợp

- “Bổn phận... công việc yêu nước”

=> Suy luận tương đồng

➡ **Phương pháp lập luận**

II. Ghi nhớ:

SGK/31

III. Luyện tập

Bài 20, Tập làm văn:

LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

A. GIỚI THIỆU TRỌNG TÂM BÀI HỌC

+ Giúp các em mở rộng và phân biệt khái niệm *lập luận* trong đời sống và *lập luận* trong văn nghị luận.

+ Thực hành nhận diện luận điểm, luận cứ và tập nêu luận điểm, luận cứ qua một vài ví dụ vừa sức với các em

B. HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC:

+ Chủ động theo dõi, ghi chép bài học qua các cổng online được thầy cô hướng dẫn

+ Sử dụng triệt để SGK, học bài mới kết hợp ôn tập, tích hợp với các bài đã học.

+ Làm bài và nộp bài theo hướng dẫn

+ Ghi nhận các nội dung nào chưa hiểu, chưa rõ hoặc đề xuất ý kiến qua hệ thống trực tuyến, hoặc trình bày cụ thể khi về trường học trở lại.

C. NỘI DUNG BÀI HỌC

(HƯỚNG DẪN TỰ HỌC)	(PHẦN GHI CHÉP VÀO VỞ)
<p>Bước 1: Phân biệt lập luận trong đời sống và lập luận trong văn nghị luận:</p> <p>a) Tìm hiểu thế nào là lập luận trong đời sống:</p> <p>- Các em mở SGK trang 32, đọc kỹ các đề mục, ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu được đặt ra</p> <p>- Khảo sát ví dụ: a,b,c.1.I.SGK/tr32</p> <p>+ Các em gạch chân các mệnh đề mà mình cho là kết luận (bằng bút chì), mệnh đề còn lại sẽ được hiểu là luận cứ (Phần này không cần ghi chép)</p>	<p>Bài 20, Tập làm văn: LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN</p> <p>I. Lý thuyết:</p> <p>a) Lập luận trong đời sống: Ví dụ 1: a.2.I.SGK/ tr 33 -> Một kết luận có thể có nhiều luận cứ khác nhau</p> <p>Ví dụ 2: a.2.I.SGK/tr 33 -> Một luận cứ có thể có nhiều kết</p>

<p>- Khảo sát ví dụ1: a.2.I.SGK/ tr33 + Các em tự nêu một số luận cứ (tức là một vài lý do để khẳng định luận điểm <i>Em rất yêu trường em</i>) + Tự ghi nhận lại những luận cứ đó trong SGK hoặc vở nháp,vở bài tập, hoặc vở soạn bài)</p> <p>-Tương tự như vậy, các em tự nêu các kết luận cho luận cứ đã cho và ghi nhận lại khi khảo sát ví dụ 3: a.2.I.SGK/tr 33 - Từ đó, các em có thể rút ra được các nhận xét như trong bài ghi chép (->)</p> <p>b) Tìm hiểu thế nào là lập luận trong văn nghị luận</p> <p>- Các em xem lại và tích hợp với các văn bản <i>Chống nạn thất học</i> và <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i></p> <p>- Khảo sát ví dụ1,2: Qua bài <i>Tìm hiểu chung về văn nghị luận</i> và <i>Đặc điểm của văn bản nghị luận</i>, các em đã hiểu thế nào là <i>luận điểm</i> và <i>luận cứ</i>, từ đó các em có thể lần lượt tìm ra luận điểm và luận cứ trong từng ví dụ (Nếu chưa nắm hoặc đã quên kiến thức này các em có thể hỏi lại)</p> <p>- Nhận xét về luận điểm và luận cứ trong văn nghị luận, các em sẽ thấy luận điểm trong văn nghị luận thường là các đề tài, quan điểm mang tính cộng đồng (vấn đề tư tưởng, đạo lý, xã hội...) . Còn luận cứ thì không thể tùy tiện, cảm tính, mà phải có hệ thống lý lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực,cần và đủ ... mới thuyết phục được người đọc, người nghe. (Hãy đọc kỹ đoạn trích và đối chiếu phần ghi chép)</p>	<p>luận khác nhau</p> <p>b) Lập luận trong văn nghị luận:</p> <p>Ví dụ1. Đoạn trích: <i>Khi xưa Pháp cai trị nước ta ... Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí.</i> (Chống nạn thất học- Hồ Chí Minh) - Luận điểm: Câu cuối - Luận cứ: Các câu còn lại</p> <p>Ví dụ 2: Đoạn văn: <i>Lịch sử ta... của một dân tộc anh hùng.</i> (<i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i>- Hồ Chí Minh) - Luận điểm: Câu 1 - Luận cứ: các câu còn lại -> Luận điểm mang tính khái quát, có ý nghĩa xã hội -> Muốn làm rõ luận điểm phải đặt và trả lời được các câu hỏi một cách có hệ thống, chặt chẽ, thuyết phục (Là gì? Tại sao? Phải như thế nào?...)</p>
--	--

- Từ đó, chúng ta rút ra kết luận cuối cùng (=>)

Bước 2: Luyện tập :

Các em sẽ thực hành thao tác lập luận bằng cách nêu luận điểm và tìm luận cứ theo yêu cầu

=> Kết luận:

- **Lập luận trong đời sống thường mang tính cảm tính**

- **Lập luận trong văn nghị luận đòi hỏi có tính lý luận, chặt chẽ, tường minh.**

2. Luyện tập về phương pháp lập luận trong văn nghị luận:

Viết đoạn văn nghị luận 8-10 câu theo một trong các đề tài sau:

1. Tại sao chúng ta phải học?
2. Đoàn kết, yêu thương nhau là truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 7 TUẦN 4

Đọc thêm – Văn bản:

SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT

Đặng Thai Mai

I/ Đọc – tìm hiểu chú thích (SGK/36)

1. Tác giả:

2. Tác phẩm:

II/ Tìm hiểu văn bản

1. Nghệ thuật

- Kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận.
- Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng toàn diện.
- Sử dụng ngôn ngữ lập luận linh hoạt.

2. Nội dung

- Tiếng Việt giàu và đẹp trên nhiều phương diện: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.
- Tiếng Việt với những phẩm chất bền vững và giàu khả năng sáng tạo trong quá trình phát triển lâu dài, là một biểu hiện hùng hồn sức sống của dân tộc.

III/ Ghi nhớ:(SGK/37)

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

I. Tìm hiểu bài:

1. VD1: SGK/ 39

Dưới bóng râm

nơi chốn

xanh, đã từ lâu đời,

thời gian

người dân cày Việt Nam dựng nhà,... đời đời, kiếp

kiếp. [...]

thời gian

→ Đặc điểm của trạng ngữ.

2. Ví dụ 2:

- Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp.

- Đời đời, kiếp

kiếp, tre ăn ở với người.

- Tre, đời đời, kiếp kiếp, ăn ở với người.

→ Vị trí của trạng ngữ

Lưu ý:

- Khi viết, phải có dấu phẩy ngăn cách với nòng cốt câu.

- Khi nói, phải có một quãng nghỉ.

*. Ghi nhớ:

SGK/ 39

3. VD 3: SGK/ 45

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm...

→ **Xác định hoàn cảnh diễn ra sự việc.**

- Về mùa đông, lá bàng đỏ như màu đồng hun.

→ **Không nên bỏ trạng ngữ vì nó góp phần làm cho nội dung của câu được cụ thể hơn.**

- Buổi sáng, trời rất đẹp. Thế nhưng, vào chiều nay, một cơn mưa ập xuống.

→ Nối kết các câu, các đoạn

⇒ **Công dụng của trạng ngữ.**

-Bố cháu đã hi sinh. Năm 72.

⇒ Tách trạng ngữ thành câu riêng để nhấn mạnh ý.

II. Ghi nhớ:

SGK/ 46, 47.

III. Luyện tập:

Bài 21, Tập làm văn:

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

D. GIỚI THIỆU TRỌNG TÂM BÀI HỌC

- + Giúp các em hiểu được khái niệm *chứng minh*
- + Nắm được mục đích và cách sử dụng dẫn chứng trong văn nghị

luận

E. HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC:

- + Chủ động theo dõi, ghi chép bài học qua các công online được thầy cô hướng dẫn
- + Sử dụng triệt để SGK, học bài mới kết hợp ôn tập, tích hợp với các bài đã học.
- + Làm bài và nộp bài theo hướng dẫn
- + Ghi nhận các nội dung nào chưa hiểu, hoặc đề xuất ý kiến qua hệ thống trực tuyến, hoặc trình bày cụ thể khi về trường học trở lại.

F. NỘI DUNG BÀI HỌC

<p>(HƯỚNG DẪN TỰ HỌC)</p> <p>- Các em mở SGK trang 41, đọc kỹ các đề mục, ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu được đặt ra</p> <p>Hoạt động 1: Tìm hiểu nhu cầu chứng minh trong đời sống: (Phần 1,2.I.SGK/tr 41)</p> <p>- Phần này cô không cho ghi vở. Nhưng vẫn hướng dẫn các em hiểu sơ lược như sau:</p> <p>+ Ví dụ : Để người ta tin vừa qua em nghỉ học vì bị ốm, em sẽ đưa ra những bằng chứng, vật chứng nào để chứng minh? (giấy chứng nhận khám chữa bệnh, hóa đơn thuốc có chữ ký và con dấu của bác sĩ và nơi điều trị) Tương tự, em hãy thử chứng minh Em hãy thử chứng minh em 13 tuổi.</p> <p>+ Từ đó, có thể rút ra là: khi muốn chứng minh một vấn đề nào đó trong cuộc sống là đúng sự thật, ta phải đưa ra</p>	<p>(PHẦN GHI CHÉP VÀO VỞ)</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài 21, Tập làm văn:</i> TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH</p> <p>I. Tìm hiểu bài:</p>
--	---

bằng chứng, nhân chứng, vật chứng.
+ Vậy, **trong văn nghị luận**, không được dùng nhân chứng, vật chứng mà chỉ sử dụng lời văn, chúng ta sẽ làm thế nào? (đây chính là trọng tâm bài học này)

Hoạt động 2: **Tìm hiểu thế nào là phép lập luận chứng minh**

- Khảo sát văn bản *Đừng sợ vấp ngã* trong mục 3.I.SGK/tr41
+ Các em tự đọc và thực hiện các yêu cầu được nêu trong các câu hỏi.
+ Từ đó, có thể xác định luận điểm, và gạch chân các câu nêu luận điểm trong SGK, bằng bút chì)

- Khai thác luận cứ:

+ Các em hãy tìm những chi tiết cho thấy trong sinh hoạt thường ngày chúng ta đều có thể vấp ngã? Những người nổi tiếng nào đã từng vấp ngã?

+ Người viết đưa ra những sự việc, những tên tuổi đó nhằm khuyên ta điều gì?

+ Xác định những chi tiết nào là lý lẽ, những chi tiết nào dẫn chứng? Từ đó, các em có thể nhận ra văn bản nghị luận này có yếu tố nào là chủ yếu. Đó chính là đặc trưng của phép lập luận chứng minh

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách sử dụng dẫn chứng (Tại sao những chứng cứ đó đầy sức thuyết phục?)

+ Có rất nhiều tấm gương khẳng định vấp ngã không đáng sợ, tại sao tác giả chỉ nêu một số tấm gương cụ thể?

+ Những dẫn chứng có đáng tin vậy không? Vì sao?

+ Tác giả đã đưa ra các dẫn chứng thuộc những phạm vi, lĩnh vực nào?

1) Thế nào là phép lập luận chứng minh?

Ví dụ 1: văn bản *Đừng sợ vấp ngã*

- **Luận điểm chính:** *Đừng sợ vấp ngã*

- **Luận cứ:**

+ *Lần đầu tập đi... tập bơi... tập chơi bóng bàn... (Vấp ngã là bình thường)*

+ *Oan-đi-nây... Lu-I Pa-xơ... Lep Tôn-xtôi... Hen-ri Pho... En-ri-cô Ca-ru-xô...*

+ *Điều đáng sợ hơn ... vì không cố gắng hết mình.*

=> Là phương pháp lập luận dùng dẫn chứng là chủ yếu nhằm khẳng định một vấn đề nào đó là đúng.

2. Yêu cầu về dẫn chứng :

- Tiêu biểu, chọn lọc, cần và đủ
- Xác thực
- Toàn diện

II. Ghi nhớ : SGK / tr 42

III. Luyện tập :

Bước 2: **Luyện tập** :
Thực hiện theo yêu cầu

BT1 : Văn bản *Không sợ sai lầm* (SGK/ tr43) có phải văn nghị luận lập luận chứng minh không ? Tại sao ?

BT 2 : Viết đoạn văn nghị luận (8-10 câu) chứng minh luận điểm sau: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.*

PHẦN BÀI TẬP LÀM Ở NHÀ

- 1. Học thuộc tục ngữ về con người và xã hội.**
- 2. Đọc kĩ văn bản : Tinh thần yêu nước của nhân dân ta**
- 3. Xem lại lý thuyết và bài tập : câu rút gọn, câu đặc biệt**